

Số: 13/2024/QĐST-DS

N, ngày 23 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Áp dụng: - Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; chị Nguyễn Ngọc Huyền, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Anh Nguyễn Văn Hiệp ủy quyền cho chị Nguyễn Ngọc Huyền theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2023)

Bị đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Phạm Thị Th phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc H tổng số tiền tính đến ngày 15/5/2024 còn nợ là 104.000.000đ (Một trăm linh tư triệu đồng) gồm: tiền gốc mua gạo là 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng); tiền gốc của số tiền vay nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi của số tiền mua gạo còn nợ tính từ ngày 01/11/2022 đến ngày 15/5/2024 là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

2.2. Thời điểm thanh toán: Khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc H phải chịu là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 2.590.000đ (Hai triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí vợ chồng anh H, chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001147 ngày 22/01/2024. Hoàn trả lại cho vợ chồng anh H, chị H số tiền 1.290.000đ (Một triệu, hai trăm, chín mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Đương sự;

THẨM PHÁN

(đã ký)

- Lưu HS./.

Nguyễn Thị Hương Quỳnh